Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1377/GPMT-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải giết mổ gia cầm, thuỷ sản từ Ki ốt 01 tầng;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ dãy Ki ốt 02 tầng 4A;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ dãy Ki ốt 02 tầng 4B;
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ dãy Ki ốt 02 tầng 4C;
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt từ dãy Ki ốt 02 tầng 4D;
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt từ dãy Ki ốt 02 tầng 4E;
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt từ dãy Ki ốt 02 tầng 4F;
- Nguồn số 08: Nước thải từ khu vệ sinh ngoài trời số 1;
- Nguồn số 09: Nước thải từ khu vệ sinh ngoài trời số 2.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải: 01 dòng thải *(tương ứng với các nguồn nước thải từ số 01 đến số 09 sau xử lý hợp thành 01 dòng thải)*. Dòng nước thải sau xử lý tại các bể tự hoại chảy vào hố ga, theo ống u.PVC D125 chảy vào hệ thống thoát nước đường Trần Phú, tổ 17 Nam Cường, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước đường Trần Phú, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai.

2.2. Vị trí xả thải:

- Hệ thống thoát nước đường Trần Phú, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai.

- Vị trí xả thải có tọa độ *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^0 45'$,múi chiếu 3)*: X= 02484724; Y = 00421000.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 23,2 m^3/ngày đêm (0,97 m^3/giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt *(Cột B, hệ số K =1)*, cụ thể:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn *(QCVN14:2008 /BTMNT, Cột B)*	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	***5 - 9***	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ *(theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)*	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục *(theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)*
2	BOD_5	mg/L	**50**		
3	Tổng chất rắn lơ lửng *(TSS)*	mg/L	**100**		
4	Tổng chất rắn hòa tan *(TDS)*	mg/L	**1000**		
5	Sunfua *(tính theo H_2S)*	mg/L	**4,0**		
6	Amoni	mg/L	**10**		
7	Nitrat *(NO_3^-)*	mg/L	**50**		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	**20**		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	**10**		
10	Phosphat *(PO_4^{3-})*	mg/L	**10**		
11	Tổng Coliform	MPN/100mL	**5.000**		

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	C
1	pH	-	**5 - 9**
2	Nhu cầu ôxy sinh hóa *(BOD5 ở 20 ^oC)*	mg/L	**≤ 40**
3	Nhu cầu ôxy hóa học *(COD)*	mg/L	**≤ 70**
	hoặc Tổng Cacbon hữu cơ *(TOC)* [a]	mg/L	**≤ 50**
4	Tổng chất rắn lơ lửng *(TSS)*	mg/L	**≤ 100**
5	Amoni *($N\text{-}NH4^+$)*, tính theo N	mg/L	**≤ 10**
6	Tổng Nitơ *(T-N)*	mg/L	**≤ 35**
7	Tổng Phốt pho *(T-P)*	mg/L	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	C
	Nguồn tiếp nhận là sông, suối, khe, kênh, mương, rạch (gọi chung là sông), vùng nước biển		**≤ *4,0***
8	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	**≤ 5 000**
9	Sunfua *(S^{2-})*	mg/L	**≤ 0,5**
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	**≤ 20**
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	**≤ 10**

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

1.1.1. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa

- Nước mưa trên mái Ki ốt 01 tầng, khu vệ sinh ngoài trời số 01→ Sê nô → Song chắn rác → Các ống đứng UPVC D90 *(chiều dài 3,5m)* → Tuyến cống B300 *(kích thước 40cm x 60cm, chiều dài 65m)* → Cống hộp *(kích thước 40cm x 60cm, chiều dài 60m)* → Điểm thoát nước số 01 vào hệ thống thoát nước đường Trần Phú, phường Cam Đường.

- Nước mưa trên mái Nhà đình chợ, Ki ốt 02 tầng *(gồm các dãy ki ốt 4A, 4B, 4C, 4D, 4E, 4F)*, nhà ban quản lý, nhà bảo vệ, khu vệ sinh ngoài trời số 02 → Sê nô → Song chắn rác → Các ống đứng UPVC D90 của nhà → Tuyến cống B300 *(kích thước 40cm x 60cm, chiều dài 163,03m)* → Điểm thoát nước số 02 vào hệ thống thoát nước đường Trần Phú, phường Cam Đường.

- Nước mưa chảy tràn trên sân, đường nội bộ và khu vực phụ trợ chảy theo độ dốc của sân, đường sau đó thu gom vào tuyến cống B300 *(kích thước 40cm x 60cm, chiều dài 163,03m)* → Điểm thoát nước số 02 vào hệ thống thoát nước đường Trần Phú, phường Cam Đường.

1.1.2. Hệ thống thu gom, thoát nước thải

- Nguồn số 01: Khu vực Ki ốt 01 tầng *(Nước thải giết mổ gia cầm, thủy sản)* → Song chắn rác → Hệ thống ống UPVC D42 ÷ D90mm *(chiều dài 1,7m)* → Ống đứng UPVC D90mm *(chiều dài 1,5 m)* → Bể tự hoại, dung tích 17m^3 đặt dưới khu vệ sinh ngoài trời số 02 → Đường ống ngang UVPC D110mm *(chiều dài 2m)* → Hố ga trên tuyến cống thu gom nước thải ngoài nhà *(kích thước 80cm x 80cm x 80cm)* → Cống gom nước thải ngoài nhà *(Cống BTCT B300)* → Hố ga *(kích thước 90cm x100cm x 80cm)* → Hệ thống thoát nước đường Trần Phú, phường Cam Đường.

- Nguồn số 02 đến nguồn số 07: Nước thải từ các Ki ốt đa năng 02 tầng *(4A, 4B, 4C, 4D, 4E, 4F):*

+ Nước thải đen → Hệ thống ống ngang *(UPVC D90mm, chiều dài 80cm)* → Ống đứng UPVC D110mm *(chiều dài 1,5m)* → Bể tự hoại *(gồm 23 bể, dung tích 6m^3/bể)* đặt ngầm dưới tầng 1 → Đường ống ngang UVPC D110mm *(chiều dài 2,2m)* → Hố ga trên tuyến cống thu gom nước thải ngoài nhà *(kích thước 80cm x80cm x80cm)* → Cống gom nước thải ngoài nhà *(Cống BTCT B300)* →Hố ga *(kích thước: 90cm x100cm x 80cm)* → Hệ thống thoát nước đường Trần Phú, phường Cam Đường.

+ Nước thải xám → Song chắn rác → Hệ thống ống UPVC D42 ÷ D90mm *(chiều dài 1m*) → Ống đứng UPVC D90mm *(chiều dài 2m)* → Hố ga trên tuyến cống gom nước thải ngoài nhà *(kích thước 80cm x 80cm x 80cm)* → Cống gom nước thải ngoài nhà *(Cống BTCT B300)* → Hố ga *(kích thước 90cm x100cm x 80cm)* → Hệ thống thoát nước đường Trần Phú, phường Cam Đường.

- Nguồn số 08, nguồn số 09: Khu vệ sinh ngoài trời số 01; Khu vệ sinh ngoài trời số 02

Nước thải đen → Hệ thống ống ngang UPVC D90mm *(chiều dài 90cm)* → Ống đứng UPVC D110mm *(chiều dài 1,1m)* → Bể tự hoại *(gồm 02 bể tự hoại, thể tích 17m^3/bể)* đặt ngầm dưới nhà vệ sinh → Đường ống ngang UVPC D110mm *(chiều dài 2,5m)* → Hố ga trên tuyến cống thu gom nước thải ngoài nhà *(kích thước 80cm x 80cm x 80cm)* → Cống gom nước thải ngoài nhà *(Cống BTCT B300)* → Hố ga *(kích thước 90cm x100cm x80cm)* → Hệ thống thoát nước đường Trần Phú, phường Cam Đường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt, giết mổ gia cầm, thuỷ sản → Bể tự hoại 03 ngăn → Hố ga → Hệ thống thoát nước đường Trần Phú, phường Cam Đường.

- Nước thải sinh hoạt, nước thải khu giết mổ gia cầm, thuỷ sản được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại. Đã xây dựng 25 bể tự hoại có tổng dung tích 172m^3/ngày đêm, gồm: Ki ốt đa năng 4A *(04 bể tự hoại, dung tích 6m^3/bể);* Ki ốt đa năng 4B *(01 bể tự hoại, dung tích 6m^3/bể)*; Ki ốt đa năng 4C *(04 bể tự hoại, dung tích 6m^3/bể)*; Ki ốt đa năng 4D *(04 bể tự hoại, dung tích 6m^3/bể);* Ki ốt đa năng 4E *(05 bể tự hoại, dung tích 6m^3/bể)*; Ki ốt đa năng 4F *(05 bể tự hoại, dung tích 6m^3/bể);* Khu vệ sinh ngoài trời số 1, số 2, khu giết mổ gia cầm, thuỷ sản *(02 bể tự hoại, dung tích 17m^3/bể).*

- Hoá chất xử lý nước thải: Sử dụng chế phẩm vi sinh Bio *(150g sử dụng cho xử lý 1m^3 nước thải)* để xử lý nước thải tại các bể tự hoại, định kỳ 3 tháng bổ sung 01 lần.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 được sửa đổi tại khoản 46 Điều

1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đối với các bể tự hoại: Định kỳ 3 năm/lần thực hiện hút bùn. Việc hút bùn bể tự hoại phải được thực hiện bởi đơn vị có chức năng. Tránh hút bùn vào thời gian mực nước ngầm cao hơn đáy bể để tránh áp lực đẩy nổi có thể làm vỡ, nứt bể và các công trình lân cận.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước: Thường xuyên kiểm tra, bảo trì và kịp thời sửa chữa khi có sự cố đối với những mối nối, van khóa trên đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến đường ống không để rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng, kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Các công trình bể tự hoại xử lý nước thải chợ Châu Uý.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí nước thải đầu ra *(điểm xả thải ra môi trường).*

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Minh Sơn có trách nhiệm phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra ngoài môi trường theo quy định tại Mục 2.6 phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2020/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chủ cơ sở tự quyết định việc quan trắc chất thải nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở phải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Điểm xả nước thải phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi tại Khoản 13 Điều 1

Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật tư, nhân lực để vận hành thường xuyên các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở. Duy trì riêng biệt hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa theo quy định tại khoản 1 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3.6. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại giấy phép môi trường quy định cụ thể tại phần A phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1377/GPMT-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

Hoạt động chính của chợ là mua bán, trao đổi hàng hoá của người dân. Không phát sinh nguồn điểm gây tiếng ồn, độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở, đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường theo QCVN 26:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

1.1. Tiếng ồn

Khu vực bị ảnh hưởng	**Khoảng thời gian**		
	Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	**Tối (18h00 đến trước 22h00 (dBA)**	**Đêm (22h00 đến trước 06h00 (dBA)**
Khu vực B	55	50	45

1.2. Độ rung

Khu vực bị ảnh hưởng	**Khoảng thời gian**	
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00) (dB)	**Đêm (22:00 ~ trước 06:00) (dB)**
Khu vực B	65	60

2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo

- Thường xuyên theo dõi các tác động ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung đến môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh khu vực.

- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời kiến nghị phản ánh về tiếng ồn, độ rung do tác động của cơ sở gây ra.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1377/GPMT-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện, bóng đèn, điện tử thải	Rắn	19 02 06	0,5
2	Pin, Ắc quy thải	Rắn	16 01 12	0,5
	Tổng cộng			01

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường:

STT	Loại rác thải thông thường	Đơn vị	Khối lượng
1	Rác vô cơ	Tấn/năm	250
2	Rác hữu cơ	Tấn/năm	85
3	Bùn thải bể tự hoại, hố ga	m^3/năm	36,5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải phát sinh:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy kín *(dung tích 60 lít, vật liệu bằng nhựa)* đặt trong kho lưu giữ CTNH; có dán nhãn phân loại và mã chất thải nguy hại.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: Kho CTNH bố trí tại tầng 1 của khu kiốt 02 tầng số 4G, giáp cổng phụ số 01 *(diện tích 30m^2, kết cấu bê tông, gạch xi măng)*. Kho chứa chất thải nguy hại được gắn bảng tên và biển cảnh báo nguy hiểm, bố trí bình chữa cháy cầm tay.

- Chỉ được lưu giữ CTNH không quá 01 năm kể từ thời điểm phát sinh. Trường hợp lưu giữ quá thời hạn nêu trên do chưa có phương án vận chuyển, xử lý khả thi hoặc chưa tìm được cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phù hợp thì phải báo cáo về việc lưu giữ CTNH tại cơ sở phát sinh gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng văn bản riêng hoặc kết hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 05 xe rác đẩy tay *(dung tích 0,5m^3, có thùng bằng tôn mạ kẽm, kích thước tổng thể 1,32x1,05x1,03m; Kích thước thùng chứa 1,06x0,8x0,83m)* tại các khu vực bán nông sản của chợ ngày và khu tập kết rác tạm thời; Bố trí 08 thùng nhựa có nắp đậy tại các góc dãy nhà ki ốt *(dung tích 120 lít, vật liệu HDPE)*, 08 sọt rác *(kích thước đường kính 30cm, chiều cao 31,5cm, vật liệu nhựa PP)* đặt tại khu nhà vệ sinh ngoài trời để thu gom và tập kết rác thải.

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: Diện tích 432m^2 tại khu vực phía Tây của chợ.

- Biện pháp thu gom, quản lý rác thải chợ đêm: Sau khi chợ đêm dừng hoạt động, công nhân tiến hành vệ sinh thu gom và quét dọn rác thải lúc 06 giờ sáng. Rác thải sau khi phân loại được Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Lào Cai thu gom bằng xe chuyên dụng chở đến nhà máy xử lý rác thải và bãi chôn lấp rác thải xã Cốc San để xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chủ cơ sở có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1377/GPMT-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh từ quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Định kỳ (*01 năm*) chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa thay thế bằng các sản phẩm thân thiện với môi trường; thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của địa phương.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm hoặc đột xuất theo quy định Luật Bảo vệ môi trường *(trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường);* công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định văn bản mới./.